

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+P4	7:25	7+15	0+0		7+15	0+0	
2		MRM+TD1	7:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
3		HSD+HST+CLO	7:25	5+2+14	0+0+0		2+2+16	0+0+0	
4		P8+P7	9:25	2+18	0+0		0+12	0+0	
5		P5+P1+TD3	9:25	15+7+0	0+0+0		12+8+2	0+0+0	
6		BK3+P3	9:25	1+21	0+0		0+12	0+0	
7		TD1+P1+P6	11:25	6+15+0	0+0+0		2+16+0	0+0+0	chuyen 2 P1- P6
8		CTK3+BK6+P2	11:25	12+0+9	0+0+0		2+0+0	0+0+0	chuyen 2 ctk3- p2chuyen 1 bk6-p2
9		VSP02+P2+P4	11:25	1+9+11	0+0+0		1+0+13	0+0+0	
10		TGTH1+AMD	13:25	5+13	0+0		3+14	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Kiểm tra VSP02 có tiếp nhận máy bay ko?

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2024	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - N.ANH - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

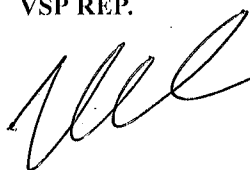
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	68	1	5	28	70	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN VO BA LINH	AMD	69-70	2	15		75	HLJOC	Vietnamese
3	PHAM TUAN HA	AMD	75	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG THE HIEN	AMD	74	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN TAN TRI	AMD	71	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH KHANH	AMD	73	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM ANH NGU	AMD	72	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	MARZIEV M.	P4	33	1	5	40	85	KH-THAC	Russian
9	PODYMОВ D.	P4	31	1	5		145	KH-THAC	Russian
10	HOANG NGOC TRUONG	P4	37	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG THO	P4	34	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
12	HA VAN NIN	P4	44-45	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU SY	P4	39	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ANH DUC	P4	35	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
15	OVCHARENKO A.N	P4	32	1	5		82	KHI	Russian
16	PHAN TAT THANG	P4	43	1	4		62	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN VAN KHUE	P4	29-30	2	16		68	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG KHAC DU	P4	28	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN CHIEN	P4					71	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG HONG VIET	P4	40	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
21	LAM VAN PHUC	P4	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LE CHI BAO	P4	36	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	8	46	489	28	7		
2	P4	15	16	92	1.175	40	15		
TOTAL		22	24	138	1.664	68	22		
WEIGHT KG				138	1.664	68			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: MRM - TDI	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 09:25
cam-1			

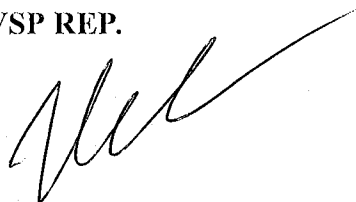
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EREMEEV EVGENII N	MRM	55-56	2	19		100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN HOANG LONG	MRM	64	1	12		84	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VU QUOC	MRM	63	1	5	35	65	DVL	Vietnamese
4	TRAN THAI AN	MRM	62	1	15		60	DVL	Vietnamese
5	BUI BACH DUONG	MRM	60-61	2	19		74	DVL	Vietnamese
6	PHAM XUAN HUNG	MRM	58	1	5		70	DVL	Vietnamese
7	PHAN TUAN DUC	MRM	59	1	11		64	DVL	Vietnamese
8	LE VAN HIEN	MRM	57	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	HOANG VAN THU	MRM	54	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	LE TRONG LUONG	TDI	91	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN NAM	TDI	81	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LANG	TDI	90	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	LE QUOC BAO	TDI	84	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	Dinh Xuan Hoa	TDI	85	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG ANH TUAN	TDI	82	1	5	60	80	KHOAN	Vietnamese
16	Dinh Van Trong	TDI	86	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	DO DANH TAI	TDI	79-80	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
18	VU TA HOANG ANH	TDI	88	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DANG LAM	TDI	87	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG DUONG	TDI	83	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
21	LE BA PHUONG	TDI	89	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
22	KARPUNIN ALEXEY	TDI	78	1	15		100	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	9	11	96	657	35	8		
2	TDI	13	14	90	969	60	14		
TOTAL		22	25	186	1.626	95	22		
WEIGHT KG				186	1.626	95			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

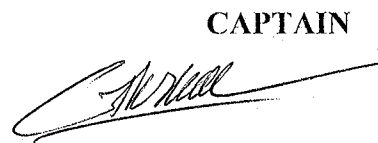
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2024	TO: HSD - HST - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - PTUẤN	ETA: 09:30
VANG-1			

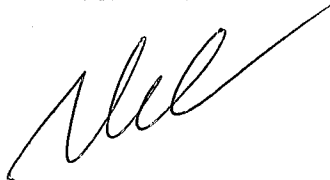
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH DANG	HSD	94-95	2	20		74	TLJOC	Vietnamese
2	PHAM TIEN	HSD	02-03	2	14		86	TLJOC	Vietnamese
3	TO TINH	HSD	92-93	2	12	20	75	TLJOC	Vietnamese
4	DO TRONG NGHIA	HSD	96-98	3	20		62	TLJOC	Vietnamese
5	TRUONG DUC HUNG	HSD	91	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NGOC THU	HST	48	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH SONG	HST	49	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
8	VOROBYEV SERGEY	CLO	44	1	5		100	KHOAN	Russian
9	DATSKO PAVEL	CLO	50	1	8		115	KHOAN	Russian
10	PHAN CONG PHU	CLO	95	1	5	40	82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LOC	CLO	92	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
12	VU MINH TU	CLO	96	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN CONG TAM	CLO	45	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN HUU SON	CLO	46	1	5	57	70	KHOAN	Vietnamese
15	VO HIEN VAN	CLO	91	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN CHIEN THANG	CLO	48	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
17	DO THANH LIEM	CLO	94	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU HOANG QUAN	CLO	93	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
19	VAN DINH QUANG	CLO	97-98	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN PHU VINH	CLO	49	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN DAI DUONG	CLO	47	1	5		77	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	5	10	73	377	20	2		
2	HST	2	2	11	120	20	2		
3	CLO	14	15	77	1.052	97	16		
TOTAL		21	27	161	1.549	137	20		
WEIGHT KG				161	1.549	137			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: P8 - P7	CREW: Linh - N.ANH - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

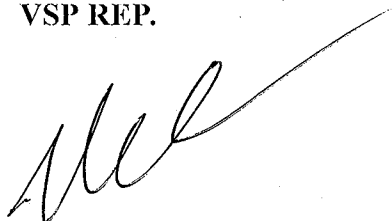
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC HUY	P8	64-65	2	20		69	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ HUNG	P8	63	1	11		82	T-TIN	Vietnamese
3	LÊ HOÀI THANH	P7	18	1	6	30	60	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN HÙNG BAY	P7	14	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	P7	10-12	3	14		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7					71	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI VĂN SƠN	P7					63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẦN TIẾN HIỆP	P7	09	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI CÔNG LAN	P7					65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHƯỢNG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC SƠN	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	13	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUYNH	P7	20-21	2	14		65	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LONG	P7	24	1	10		78	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN KHAI	P7	27-28	2	13		85	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
16	VŨ VĂN CHUNG	P7	22-23	2	6		75	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
17	VŨ ANH MINH	P7	17	1	9	16	79	T-TIN	Vietnamese
18	ĐÀO TUẤN CHỦ	P7	26	1	3		65	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN QUYÊN	P7	19	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LOAN	P7	25	1	5		45	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

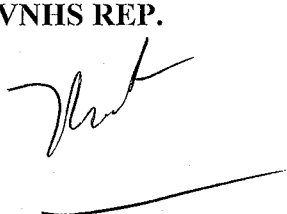
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	2	3	31	151	0	0		
2	P7	18	18	107	1.241	46	12		
TOTAL		20	21	138	1.392	46	12		
WEIGHT KG				138	1.392	46			

GRAND TOAL: 1.576 KGS

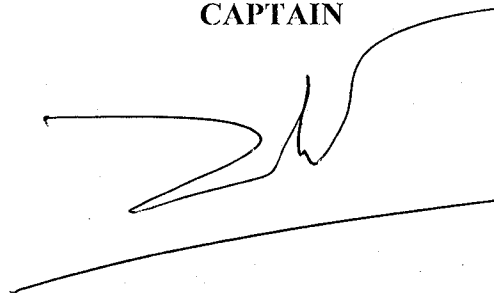
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2024	TO: P5 - P1 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TUONG	P5	76-78	3	20		68	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG VIET	P5	79	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG VAN THANH	P5	80	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC ANH CHIEN	P5	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TONG XUAN SINH	P5	82	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN MINH	P5	81	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DINH TU	P5	75	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NGOC	P5	73	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN DINH PHAC	P5	84-85	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CAO MANH	P5	86-87	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
11	VU TIEN PHAT	P5	71-72	2	22		74	XAYLAP	Vietnamese
12	DOAN ANH PHUONG	P5	74	1	3		68	PSV	Vietnamese
13	DO KHAC DA	P5	70	1	4		67	PSV	Vietnamese
14	DINH VAN LUU	P5	68	1	6		52	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TUAN	P5	69	1	5		66	PSV	Vietnamese
16	TRAN VAN TUNG	P1	49	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN XUAN LANH	P1	45	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH VAN THANG	P1	37	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN THANG	P1	48	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LE NGOC HAI	P1	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LE QUANG TIEN	P1	47	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
22	VI KHAC THANH	P1	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	15	20	117	1.037	0	12		
2	P1	7	7	37	456	0	8		
3	TD3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	27	154	1.493	0	22		
WEIGHT KG				154	1.493	0			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: BK3 - P3	CREW: TTrung - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN HỘI	BK3	39	1	17	81	50	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐINH SONG HAI	P3	66-67	2	11	8	59	YTE	Vietnamese
3	BUI THE DIEN	P3	68	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3					64	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐÌNH HUY	P3	78-79	2	15		84	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM TUẤN KHAI	P3	80	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	54	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	CHÂU ĐÌNH TU	P3	65	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC VĨNH	P3	62	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TAM THUY	P3	63	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ NGHĨA TÀI	P3	64	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG THANH	P3	53	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM QUỐC SỸ	P3	50-51	2	10		60	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG AN	P3	55	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC ĐÌNH	P3	77	1	10	18	82	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SANG	P3	56-57	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ HOANG LAM	P3	58	1	17		64	XAYLAP	Vietnamese
18	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	P3	69	1	15	57	73	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	P3	59	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGÔ ANH QUỐC	P3	60-61	2	8		62	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐỖ HOÀI NAM	P3	52	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HOÀ	P3	49	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	1	1	17	50	81	0		
2	P3	21	25	178	1.445	83	12		
TOTAL		22	26	195	1.495	164	12		
WEIGHT KG				195	1.495	164			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: TD1 - P1 - P6	CREW: Linh - XTrường - Tú	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRUNG KIÊN	TD1	95	1	16		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN NAM	TD1	94	1	15	10	65	DVL	Vietnamese
3	TRẦN HẬU HAI	TD1	96-97	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD1	02-03	2	12		56	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MINH TÀI	TD1	01	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI VÕ TRƯỜNG GIANG	TD1	98-99	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
7	LƯU VĂN TUẤN	P1	68	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	65	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THANH HAI	P1	67	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LƯU	P1	70	1	6		60	YTE	Vietnamese
11	HỒ HỮU CHUNG	P1	74	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUANG TUYẾN	P1	71	1	8		96	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN TỰ	P1	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÃN	P1	72-73	2	9		120	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	51	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO ĐĂNG PHONG	P1	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	CHÂU HÙNG HUY	P1	66	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	59	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ MINH HIẾU	P1	63-64	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	9	97	388	10	2		CHUYEN 2 PAX P1-P6
2	P1	15	17	98	1.084	0	16	2	
3	P6	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	26	195	1.472	10	18		
WEIGHT KG				195	1.472	10			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2024	TO: CTK3 - BK6 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: QViệt - Sơn - HIẾU	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG CÔNG	CTK3	97	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN THAI	CTK3	95	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	96	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU MẠNH	CTK3	86	1	5		76	CUU LONG	Vietnamese
5	ĐOÀN NGỌC MINH KHOA	CTK3	84-85	2	10		58	CUU LONG	Vietnamese
6	TRẦN ANH DŨNG	CTK3	83	1	5		62	CUU LONG	Vietnamese
7	TRẦN THANH LÂM	CTK3	89	1	8		56	CUU LONG	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN BÌNH	CTK3	98-99,82	3	15	40	63	CUU LONG	Vietnamese
9	VÔ HỮU DŨ	CTK3	93-94	2	8	25	62	CUU LONG	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO SANG	CTK3	87-88	2	13		62	CUU LONG	Vietnamese
11	NGUYỄN DINH HAI	CTK3	80	1	10		70	SAN BAY	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HUY	P2	32	1	11		75	NAM TIEN	Vietnamese
13	BUI VĂN DŨA	P2	93-94	2	15		74	NAM TIEN	Vietnamese
14	BUI CHỈ LINH	P2	31	1	10		61	NAM TIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P2	92	1	10		53	NAM TIEN	Vietnamese
16	DUƠNG NGỌC PHƯƠNG	P2	30	1	10		58	NAM TIEN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN QUÂN	P2	33	1	6		65	NAM TIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚC TÀI	P2	34	1	10		63	NAM TIEN	Vietnamese
19	DUƠNG NGỌC THƯƠNG	P2	85	1	7		58	NAM TIEN	Vietnamese
20	PHẠM HOÀNG PHONG	P2	29	1	11		65	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	16	97	715	65	2 + 2		CHUYEN 2 PAX + 50KG HANG CTK3-P2
2	BK6	0	0	0	0	38	0 + 1		CHUYEN 1 PAX BK6-P2
3	P2	9	10	90	572	0	0		
TOTAL		20	26	187	1.287	103	2		
WEIGHT KG				187	1.287	103			

GRAND TOAL: 1.577 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	TO: VSP02 - P2 - P4	CREW: CHIẾN - N.Cương - Q.Trường	ETA: 14:10
VANG-3			

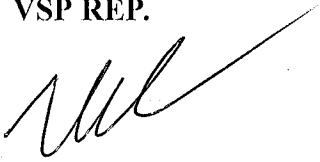
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN CHÁNH	VSP02	31	1	5		57	PSV	Vietnamese
2	MAI UT QUI	P2	41	1	9	23	48	NAM TIEN	Vietnamese
3	MAI THANH TRUNG	P2	49-50	2	13	62	61	NAM TIEN	Vietnamese
4	VU VĂN LỢI	P2	46	1	7	80	62	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HOÀNG	P2	44	1	8		63	TRƯỜNG	Vietnamese
6	HOÀNG BÀ HÙNG	P2	42	1	7		60	TRƯỜNG	Vietnamese
7	THẠCH HOÀNG HẠ	P2	47	1	15		68	TRƯỜNG	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN QUÂN	P2	48	1	10		69	TRƯỜNG	Vietnamese
9	VÔ TẤN TÀI	P2	45	1	14		74	TRƯỜNG	Vietnamese
10	PHẦN TÀI DANH	P2	43	1	9		63	TRƯỜNG	Vietnamese
11	ĐÀO MINH TUÂN	P4				7	71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	46	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HẢI	P4	50	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG THẾ ANH	P4	55-56	2	16		68	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THANH CAM	P4	52	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN TOÀN	P4	47	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
17	LÂM XUÂN HẢI	P4	53-54	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	48	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU THANH	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HOÀNG PHỤNG	P4	49	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HẢI	P4	51	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	1	1	5	57	0	1		
2	P2	9	10	92	568	165	0		
3	P4	11	11	64	730	7	13		
TOTAL		21	22	161	1.355	172	14		
WEIGHT KG				161	1.355	172			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

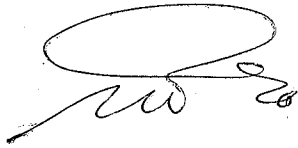
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2024	TO: TGTH1 - AMD	AIRCRAFT: 616	ETD: 13:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: NKhánh - Trinh	ETA: 15:05
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TGTH1	26	1	9		93	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	23	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	18	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NAM HAI	TGTH1	20	1	4	26	74	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	TGTH1	19	1	9		60	T-TIN	Vietnamese
6	NGÔ BA THANH	AMD	87	1	5	60	66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	79	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	83	1	10	16	70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	78	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	85	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC VIỆT	AMD	95	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG HIỆU	AMD	80-81	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	96	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HIỆU THẢO	AMD	90	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	89	1	3		65	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN THIÊN	AMD	82	1	8		66	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	86	1	4		62	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ LY KHÁNH	AMD	88	1	11		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	5	5	35	381	26	3		
2	AMD	13	14	96	879	76	14		
TOTAL		18	19	131	1.260	102	17		
WEIGHT KG				131	1.260	102			

GRAND TOAL: 1.493 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RCDM+TD2	7:25	17+0+5	0+0+0		10+0+5	0+0+0	chuyen 2 rcdm-td2
2		P10+BK5+BK10	7:25	19+0+2	0+0+0		5+2+0	0+0+0	chuyen 5 bk5-k10
3		RP1+RC5+TD2	9:25	9+ 1 +9	0+0+0		6+ 0 +12	0+0+0	chuyen 1 rp1-rc5
4		PPD+GTC1+RP3	9:25	13+0+8	0+0+0		13+0+9	0+0+0	chuyen 1 gtc1-rp3
5		BK16+CTK3	11:25	8+12	0+0		0+14	0+0	chuyen 2 bk16-ctk3
6		P9+P10+RP3	11:25	13+0+8	0+0+0		5+3+8	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P10-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RP3 - RCDM - TD2	CREW: Nam - M.Đức - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV SERGEI	RP3	05	1	5		110	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN BÁ LƯỢNG	RP3				110	72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HÙNG	RP3	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC LAM	RP3	01	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	VU VAN DOANH	RP3					72	KHOAN	Vietnamese
6	VO VAN HUNG	RP3	07	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐAM	RP3	02	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	KHUAT QUANG KIEN	RP3	10	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN TUAN LONG	RP3	11	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN HOANG	RP3	06	1	7		67	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN BA TRIỆT	RP3	04	1	5		67	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN ĐẠI	RP3	03	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	ĐỖ MẠNH THUỜNG	RP3	12-13	2	15		65	KHI	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN HUNG	RP3	16	1	10		82	KHI	Vietnamese
15	MAI ĐỨC CƯỜNG	RP3	15	1	5		74	KHI	Vietnamese
16	ĐỖ XUÂN LỢI	RP3	14	1	10		80	KHI	Vietnamese
17	VANEEV DMITRIY	TD2	16	1	12		100	KHOAN	Russian
18	GROMOV SERGEY	TD2	21	1	10		88	KHOAN	Russian
19	BUI HUU HONG	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	17	1	5	40	80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	18-20	3	19		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	16	97	1.179	110	10		CHUYEN 02 PAX TU RCDM SANG TD2
2	RCDM	0	0	0	0	0	0	2	
3	TD2	5	6	46	410	40	6		
TOTAL		21	22	143	1.589	150	16		
WEIGHT KG				143	1.589	150			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/02/2024	TO: P10 - BK5 - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - XTrường - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

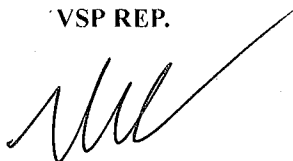
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10					69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LINH	P10	62	1	3		74	NIPI	Vietnamese
3	BUI ĐÌNH PHI	P10	45-46	2	7		61	NIPI	Vietnamese
4	TRẦN TUẤN ANH	P10	51-52	2	13		67	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN THÔNG	P10	49	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ THAI QUỐC	P10	47	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH TÂM	P10	50	1	11		78	XAYLAP	Vietnamese
8	TÔNG VĂN ĐỨC	P10	57-58	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ ANH	P10	55-56	2	19		79	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM TÙNG DƯƠNG	P10	53	1	5	25	67	XAYLAP	Vietnamese
11	CAO MINH CƯỜNG	P10	59	1	11		94	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TÀI	P10	65	1	5		78	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT LY	P10	68-69	2	9		78	PSV	Vietnamese
14	PHẠM THẾ CÔNG	P10	63-64	2	11		59	PSV	Vietnamese
15	PHẠM BA KHANH	P10	66	1	6		74	PSV	Vietnamese
16	ĐẠO VĂN DUNG	P10	67	1	3		77	PSV	Vietnamese
17	LUƠNG TRỌNG DƯƠNG	P10	48	1	6		53	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	P10	60	1	5		61	PSV	Vietnamese
19	LÊ CHI QUANG	P10	61	1	4		68	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK10	42	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HUY MẠNH	BK10	41	1	13	20	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	24	147	1.355	25	5		CHUYEN 05 PAX BK5-BK10
2	BK5	0	0	0	0	40	2	5	
3	BK10	2	2	24	159	20	0		
TOTAL		21	26	171	1.514	85	7		
WEIGHT KG				171	1.514	85			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

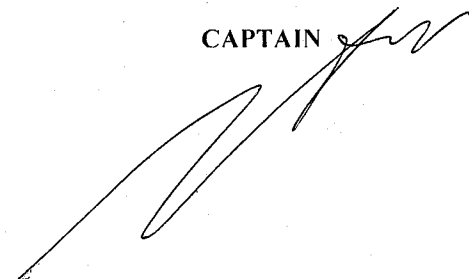
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: RP1 - RC5 - TD2	CREW: Nam - M.Đức - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

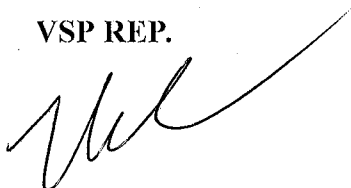
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TUAN	RP1	98	1	5		75	PSV	Vietnamese
2	VU XUAN TIEN	RP1	97	1	5		70	PSV	Vietnamese
3	TRAN HIEP	RP1	95	1	6		72	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN DUY QUYEN	RP1	99	1	5	15	70	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	400	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	PHAM DINH VAN	RP1	91	1	5		78	PSV	Vietnamese
7	PHAM CONG THANH	RP1	93	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	BUI VAN TU	RP1	96	1	7		55	PSV	Vietnamese
9	PHAN VAN HONG	RP1	92	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	VUONG MAI	RC5	02	1	19	15	70	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI TRUNG THO	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUNG	TD2	27	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HAI	TD2	28	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH HONG SON	TD2	30	1	5	70	70	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN THIANG	TD2	32	1	8	50	82	KHOAN	Vietnamese
16	LE PHU	TD2	31	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGO QUANG HUNG	TD2	33	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HOAN	TD2	26	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
19	DAO VAN TIEN	TD2	24-25	2	10		55	PSV	Vietnamese
20	TELESHENKO I.	TD2	29	1	19		120	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

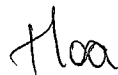
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	9	9	48	625	15	6	1	CHUYEN 1 PAX RP1-RC5
2	RC5	1	1	19	70	15	1		
3	TD2	10	10	67	733	120	12		
TOTAL		20	20	134	1.428	150	19		
WEIGHT KG				134	1.428	150			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/02/2024	TO: PPD - GTC1 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN THANH TRUONG	PPD	44	1	3		50	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LUU	PPD	49	1	5		74	PSV	Vietnamese
3	BUI XUAN DIEP	PPD	50	1	7		64	PSV	Vietnamese
4	LE TIEN LOI	PPD	46	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	PHAM VIET HOANG	PPD	54	1	3		52	PSV	Vietnamese
6	VU THE LIEN	PPD	43	1	10		67	PSV	Vietnamese
7	PHAM VAN GIANG	PPD	51	1	2		64	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN MINH DONG	PPD	53	1	3		46	PSV	Vietnamese
9	TRAN VAN THUAT	PPD	48	1	3		64	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG TAN NGHIA	PPD	47	1	5		63	PSV	Vietnamese
11	LE TRAN MINH KHANH	PPD	45	1	7		63	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN THAI PHUOC TRUNG	PPD	52	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG THANH	PPD	55	1	5		72	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HAO	RP3	77	1	7		87	KHOAN	Vietnamese
15	KHONG TIEN DUNG	RP3	80	1	6	60	78	KHI	Vietnamese
16	PHAN ANH KHANG	RP3	79	1	3		68	KHI	Vietnamese
17	PHAN DANG TUAN	RP3	78	1	13		61	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN THANH HA	RP3	76	1	6		63	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN VY	RP3	74	1	6		69	PSV	Vietnamese
20	TRAN THANH HAI	RP3	75	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	13	63	814	0	13		CHUYEN 1 PAX GTC1-RP3
2	GTC1	0	0	0	0	10	0	+1	
3	RP3	7	7	45	486	60	9		
TOTAL		20	20	108	1.300	70	22		
WEIGHT KG				108	1.300	70			

GRAND TOAL: 1.468 KGS +10kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/02/2024	TO: BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: L ^{Tuấn} - MTHAO - Q ^{Trưởng}	ETA: 14:00
VANG-3			

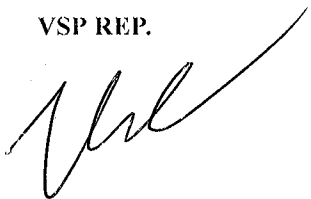
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN TUÔI	BK16	18-19	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
2	LUÔNG XUÂN QUANG	BK16	24	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
3	HUYNH PHƯƠNG HUNG	BK16	20-21	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH ĐO	BK16	27-28	2	19	40	77	XAYLAP	Vietnamese
5	LƯU QUANG NGHỊ	BK16	25-26	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG MẠNH HÀ	BK16	22	1	7	24	65	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ NGỌC KỲ	BK16	29-30	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK16	31	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ THANH	CTK3	66	1	10		91	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	75	1	5		59	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY HIỆP	CTK3	65	1	7		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HIẾU	CTK3	73	1	5	11	60	PSV	Vietnamese
13	LÊ ĐẶC NHA	CTK3	76	1	6		65	PSV	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VÂN	CTK3	69	1	6	50	70	PSV	Vietnamese
15	LÊ TUÂN VŨ	CTK3	70	1	7		100	PSV	Vietnamese
16	LÊ THANH TÙNG	CTK3	68	1	5		76	PSV	Vietnamese
17	LÊ DUY HAI	CTK3	74	1	3		75	PSV	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HOÀNG	CTK3	67	1	4		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN AI	CTK3	72	1	5		52	PSV	Vietnamese
20	HỒ HỮU PHƯƠNG	CTK3	71	1	6		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	8	13	126	524	64	0 + 2		CHUYEN 2 PAX BK16-CTK3
2	CTK3	12	12	69	863	61	14		
TOTAL		20	25	195	1.387	125	14		
WEIGHT KG				195	1.387	125			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

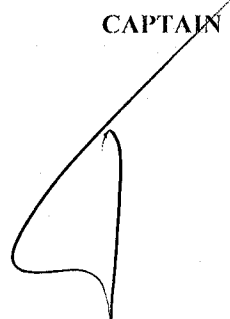
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/02/2024	TO: P9 - P10 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - Tú	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	P9	19-20	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM CÔNG TUÂN	P9	14-15	2	10		59	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	76	1	5		65	PSV	Vietnamese
4	BUI VĂN THUẬN	P9	62	1	5		78	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN PHU	P9	18	1	4		58	PSV	Vietnamese
6	HỒ MINH XUÂN	P9	74	1	6		68	PSV	Vietnamese
7	LẠI VĂN THÀNH	P9	75	1	5		59	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NHẬN	P9	17	1	4		71	PSV	Vietnamese
9	LÊ MẠNH DŨNG	P9	23	1	8		64	DUY LINH	Vietnamese
10	VŨ NGỌC TUÂN	P9	21-22	2	12		62	DUY LINH	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HÀ	P9	16	1	10	18	61	DUY LINH	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG HIỆU	P9	64	1	12		70	DUY LINH	Vietnamese
13	TRẦN DUY PHƯƠNG	P9	61	1	9		76	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG (1966)	RP3	26	1	4		66	PSV	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC CHI	RP3	24	1	4		58	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	23	1	3		68	PSV	Vietnamese
17	HOANG MINH THIÊN	RP3	22	1	6		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HOÀI	RP3	21	1	7		58	PSV	Vietnamese
19	LƯƠNG VĂN KHOA	RP3	25	1	3		55	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ DUY	RP3	27	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	NGÔ VĂN HIỆN	RP3	20	1	6		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	13	16	98	854	18	5		
2	P10	0	0	0	0	0	3		
3	RP3	8	8	38	507	0	8		
TOTAL		21	24	136	1.361	18	16		
WEIGHT KG				136	1.361	18			

GRAND TOAL: 1.515 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN